

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**  
**Thực hiện chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024**  
**trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 4364/SNN-KHTH ngày 18/12/2023 về việc xây dựng kế hoạch hành động thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của ngành Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và văn bản số 9495/UBND-TH ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc thông báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đối với các huyện, thị xã, thành phố.

Chi cục Kiểm lâm xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Định, như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

a) Cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 4647/QĐ-UBND ngày 14/12/2023.

b) Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và nhân dân trong quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng, tạo động lực cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đẩy mạnh xã hội hoá công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

c) Khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thời gian qua, đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp, đồng thời, góp phần tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển bền vững.

### **2. Yêu cầu**

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, vai trò của các cơ quan, đơn vị và sản phẩm dự kiến hoàn thành trong triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

b) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Chi cục Kiểm lâm với các địa phương, các chủ rừng, doanh nghiệp, hộ gia đình, ... và kịp thời tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện

## II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

### 1. Trồng rừng tập trung

Phấn đấu năm 2024, trồng rừng tập trung đạt 8.500 ha, trong đó, trồng rừng gỗ lớn đạt 2.000 ha. Cụ thể:

a) Đối với 8.500 ha trồng rừng tập trung là diện tích trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng, do các chủ rừng là các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự đầu tư trồng rừng. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích trồng rừng tập trung (ha)			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Quy Nhơn				400
2	An Nhơn				90
3	Hoài Nhơn				750
4	Phù Cát				600
5	Phù Mỹ				500
6	Tuy Phước				130
7	Tây Sơn				700
8	Hoài Ân				2.000
9	An Lão				1.100
10	Vân Canh				1.845
11	Vĩnh Thạnh				385
<b>Tổng</b>					<b>8.500</b>

b) Trồng rừng gỗ lớn đạt 2.000 ha, là diện tích các Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh, Quy Nhơn, Sông Côn thực hiện trồng lại rừng sau khai thác và các hộ gia đình, cá nhân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hợp đồng liên kết với Công ty Năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Năng lượng Sinh học Tín Nhân. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích trồng rừng gỗ lớn (ha)			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Quy Nhơn				23
2	An Nhơn				0
3	Hoài Nhơn				190

4	Phù Cát				100
5	Phù Mỹ				160
6	Tuy Phước				100
7	Tây Sơn				35
8	Hoài Ân				350
9	An Lão				100
10	Vân Canh				942
11	Vĩnh Thạnh				0
<b>Tổng</b>					<b>2.000</b>

## 2. Chăm sóc rừng trồng

Thực hiện chăm sóc 19.500 ha rừng trồng. Trong đó, chăm sóc lần 1 là 13.650 ha và chăm sóc lần 2 là 19.500 ha. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích chăm sóc rừng trồng (ha)			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Quy Nhơn	1.107,4			1.582,0
2	An Nhơn	678,3			969,0
3	Hoài Nhơn	1.533,4			2.190,6
4	Phù Cát	924,5			1.320,7
5	Phù Mỹ	1.336,2			1.908,8
6	Tuy Phước	669,6			956,6
7	Tây Sơn	1.693,7			2.419,5
8	Hoài Ân	1.612,9			2.304,2
9	An Lão	1.150,8			1.644,0
10	Vân Canh	1.839,1			2.841,6
11	Vĩnh Thạnh	954,1			1.363,0
<b>Tổng</b>		<b>13.650,0</b>			<b>19.500</b>

## 3. Khoản bảo vệ rừng và khoản khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên

a) Thực hiện khoản bảo vệ rừng 130.003 ha. Trong đó: Thực hiện khoản chuyển tiếp bảo vệ rừng 120.330,47 ha và đưa vào khoản mới bảo vệ rừng 9.672,6 ha rừng. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích khoán bảo vệ rừng (ha)				Diện tích khoán mới (ha)
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	Quy Nhơn	2.363,25	2.363,25	2.414,55	2.414,55	51,3
2	An Nhơn	0	0	0	0	0
3	Hoài Nhơn	1.932,96	1.932,96	2.140,76	2.140,76	207,8
4	Phù Cát	10.985,91	10.985,91	10.985,91	10.985,91	0
5	Phù Mỹ	5.616,67	5.616,67	5.616,67	5.616,67	0
6	Tuy Phước	21,10	21,10	21,10	21,10	0
7	Tây Sơn	16.123,34	16.123,34	16.473,34	16.473,34	350,0
8	Hoài Ân	16.088,71	16.088,71	18.052,21	18.052,21	1.963,5
9	An Lão	22.427,50	22.427,50	23.827,50	23.827,50	1.400,0
10	Vân Canh	19.992,80	19.992,80	20.692,80	20.692,80	700,0
11	Vĩnh Thạnh	24.778,23	24.778,23	29.778,23	29.778,23	5.000,0
<b>Tổng</b>		<b>120.330,47</b>	<b>120.330,47</b>	<b>130.003</b>	<b>130.003</b>	<b>9.672,6</b>

b) Tiếp tục thực hiện khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 284 ha. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Diện tích khoán nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên (ha)			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Quy Nhơn	24,00	24,00	24,00	24,00
2	Hoài Nhơn	60,00	60,00	60,00	60,00
3	An Lão	200,00	200,00	200,00	200,00
<b>Tổng</b>		<b>284,0</b>	<b>284,0</b>	<b>284,0</b>	<b>284,0</b>

#### 4. Khai thác gỗ rừng trồng

Diện tích khai thác rừng trồng là diện tích rừng trồng sản xuất, do tổ chức và cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư trồng rừng. Do đó, khi rừng đến đến chu kỳ khai thác, tùy thuộc vào giá gỗ nguyên liệu, các chủ rừng sẽ xác định thời điểm khai thác phù hợp và thực hiện khai thác theo quy định của Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Sau khi khai thác, các chủ rừng lập Bảng kê lâm sản để gửi Cơ quan kiểm lâm sở tại tổng hợp. Tổng sản lượng khai thác dự kiến là 1.050.000 m<sup>3</sup>. Cụ thể sản lượng gỗ khai thác theo biểu dưới đây

<b>TT</b>	<b>Huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Sản lượng gỗ khai thác (m<sup>3</sup>)</b>
1	Quy Nhơn	48.000
2	An Nhơn	10.800
3	Hoài Nhơn	96.000
4	Phù Cát	72.000
5	Phù Mỹ	66.000
6	Tuy Phước	15.600
7	Tây Sơn	90.000
8	Hoài Ân	245.400
9	An Lão	132.000
10	Vân Canh	228.000
11	Vĩnh Thạnh	46.200
<b>Tổng</b>		<b>1.050.000</b>

### **5. Sản xuất cây giống lâm nghiệp**

Kế hoạch năm 2024 sản xuất 200,0 triệu cây giống các loại. Hiện nay, cây giống lâm nghiệp của tỉnh, ngoài phục vụ nhu cầu trồng rừng của tỉnh, còn phục vụ nhu cầu trồng rừng ngoài tỉnh. Do đó, cây giống lâm nghiệp được sản xuất quanh năm. Cụ thể theo biểu dưới đây:

<b>TT</b>	<b>Huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Sản xuất cây giống lâm nghiệp (triệu cây)</b>
1	Quy Nhơn	10,0
2	An Nhơn	0
3	Hoài Nhơn	35,0
4	Phù Cát	11,0
5	Phù Mỹ	20,5
6	Tuy Phước	9,0
7	Tây Sơn	10,0
8	Hoài Ân	31,0
9	An Lão	12,0
10	Vân Canh	57,0
11	Vĩnh Thạnh	4,5
<b>Tổng</b>		<b>200,0</b>

## 6. Tỷ lệ độ che phủ rừng

Chỉ tiêu tỷ lệ độ che phủ rừng tỉnh Bình Định năm 2024 là 57,7%, Cụ thể theo đơn vị hành chính, như sau:

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2024 đạt 57,7%
1	Quy Nhơn	32,65
2	An Nhơn	26,05
3	Hoài Nhơn	49,00
4	Phù Cát	43,50
5	Phù Mỹ	33,50
6	Tuy Phước	13,15
7	Tây Sơn	56,80
8	Hoài Ân	67,30
9	An Lão	83,15
10	Vân Canh	73,70
11	Vĩnh Thạnh	77,60

## III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức và Nhân dân trong triển khai thực hiện các các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng, tổ chức và Nhân dân trong triển khai thực hiện các các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tăng thời lượng đưa tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về lâm nghiệp.

c) Xây dựng các tin, bài, phóng sự về các hoạt động, biện pháp, kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất lâm nghiệp nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp.

### 2. Triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp

a) Triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2024; trong đó, chú trọng công tác phòng, chống cháy rừng, phá rừng, khai thác gỗ trái phép; tăng cường kiểm tra, kiểm soát vận chuyển lâm sản trái phép; xử lý, ngăn chặn kịp thời các đối tượng phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ trái phép, ...

b) Tiếp tục thực hiện tốt công tác khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên, trồng rừng, chăm sóc rừng theo kế hoạch năm 2024.

c) Tiếp tục triển khai Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn

2016 – 2020, định hướng đến năm 2035. Đẩy mạnh nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng bằng biện pháp thâm canh rừng trồng sản xuất, sử dụng cây giống nuôi cấy mô, cây giống lâm nghiệp mới, chất lượng cao phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn.

d) Nâng cao năng lực, đổi mới công nghệ sản xuất đối với các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp của tỉnh; trong đó, đẩy mạnh phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giống cây nuôi cấy mô nhằm cung cấp các loại giống có chất lượng, chống chịu với sâu, bệnh hại và thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Rà soát diện tích đất có cây gỗ tái sinh, đất mới trồng rừng đủ tiêu chí thành rừng để cập nhật thành rừng. Rà soát diện tích rừng trồng ngoài 3 loại rừng đảm bảo tiêu chí để đưa vào quy hoạch 3 loại rừng theo đúng quy định. Tăng cường công tác cập nhật, theo dõi diễn biến rừng đảm bảo kịp thời, hiệu quả và tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2024.

### **3. Nội dung kế hoạch hành động thực hiện**

*(Chi tiết nội dung kế hoạch hành động theo phụ lục đính kèm)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Chi cục Kiểm lâm là đơn vị giúp Sở Nông nghiệp và PTNT đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 .

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương phối hợp với lực lượng kiểm lâm trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển lâm nghiệp trên địa bàn quản lý.

3. Đề nghị các cấp ủy đảng, Mặt trận và các hội đoàn thể ở địa phương tăng cường phối hợp với lực lượng kiểm lâm trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên gương mẫu chấp hành các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và phối hợp với cơ quan chức năng trong triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KHTH Sở;
- Phòng QLVR;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**

**Phụ lục**  
**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh**

*(Ban hành kèm theo văn bản số /KH-CCKL ngày tháng 12 năm 2023 của Chi cục Kiểm lâm)*

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm đạt được
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức và Nhân dân trong triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh.</b>				
1	Triển khai phổ biến các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện/thị xã/thành phố	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện
2	Tăng thời lượng đưa tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về lâm nghiệp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng .	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, xã	Thường xuyên	Các đợt tuyên truyền được triển khai
3	Xây dựng các tin, bài, phóng sự về các hoạt động, biện pháp, kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất lâm nghiệp nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, xã	Thường xuyên	Số lượng tin bài, phóng sự
<b>II</b>	<b>Triển khai thực hiện các chỉ tiêu phát triển lĩnh vực lâm nghiệp</b>				

<b>1</b>	<b>Trồng rừng</b>				
1.1	Các chủ rừng thực hiện thực hiện trồng lại rừng sau khai thác rừng trồng vào mùa vụ trồng rừng	Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Quý IV	8.500 ha rừng trồng
1.2	Các doanh nghiệp thực hiện trồng lại rừng sau khai thác và các hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp	Hộ gia đình, cá nhân các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Quý IV	Trồng rừng gỗ lớn 2.000 ha
<b>2</b>	<b>Chăm sóc rừng trồng</b>				
2.1	Thực hiện chăm sóc lần 1	Các chủ rừng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Quý I	Chăm sóc 13.650 ha
2.1	Thực hiện chăm sóc lần 2	Các chủ rừng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Quý IV	Chăm sóc 19.500 ha rừng trồng
<b>3</b>	<b>Khoán bảo vệ rừng và khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng</b>				
3.1	Các chủ rừng tiến hành rà soát đối tượng và ký hợp đồng giao khoán với các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện nhận khoán theo quy định.	Các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Quý I	Hợp đồng
3.2	Lập hồ sơ thiết kế - dự toán khoán bảo vệ rừng mới đề trình UBND tỉnh phê duyệt	BQL rừng đặc dụng An Toàn, BQL RPH An Lão, Hoài Ân,	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Quý III	Quyết định phê duyệt UBND tỉnh

		Hoài Nhơn, Tây Sơn, Vân Canh và Công ty TNHH LN Quy Nhơn			
3.3	Nghiệm thu khoán bảo vệ rừng và khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	Các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Quý IV	Khoán bảo vệ rừng 130.000 ha và khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 284 ha
<b>4</b>	<b>Khai thác gỗ rừng trồng</b>				
4.1	Khai thác gỗ rừng trồng các diện tích rừng trồng sản xuất đến thời kỳ khai thác và lập bảng kê lâm sản sau khai thác để gửi cho cơ quan chức năng tổng hợp	Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư trồng rừng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm	Thường xuyên	Sản lượng gỗ khai thác 1.050.000 m <sup>3</sup>
<b>5</b>	<b>Sản xuất cây giống lâm nghiệp</b>				
5.1	Triển khai sản xuất cây giống phục vụ nhu cầu trồng rừng trong và ngoài tỉnh.	Các cơ sở sản xuất cây giống lâm nghiệp của tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Kiểm lâm, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Thường xuyên	Sản xuất 200,0 triệu cây giống
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 57,7%</b>				
6.1	Rà soát diện tích đất có cây gỗ tái sinh, đất mới trồng rừng đủ tiêu chí thành rừng để cập nhật thành rừng	Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện/thị xã/thành phố và các xã, các	Quý IV	

			đơn vị chủ rừng		
6.2	Rà soát diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng đảm bảo tiêu chí để đưa vào quy hoạch 3 loại rừng theo đúng quy định.	Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện/thị xã/thành phố và các xã, các đơn vị chủ rừng	Quý IV	
6.3	Tăng cường công tác cập nhật, theo dõi diễn biến rừng đảm bảo kịp thời, hiệu quả	Chi cục Kiểm lâm	UBND các huyện/thị xã/thành phố và các xã, các đơn vị chủ rừng	Quý IV	Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,7%



